TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 144 /2021/QĐST – HNGĐ. *Bù Đăng, ngày 15 tháng 07 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyến.
Các hội thẩm nhân dân:
[1]. Ông Nguyễn Đăng Bảy;
[2]. Bà Lê Thị Thận ;

- Căn cứ vào các Điều 210 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 242/2021/ HNGĐ ngày 31/05/2021.

XÉT THẤY

Tại phiên Tòa các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án; Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:
Nguyên đơn: chị; sinh năm 1985
Địa chỉ : Thôn 4 , xã Đường 10, huyện Bù Đăng , tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: anh Hứa Văn T; sinh năm 1985
Địa chỉ : Thôn 4 , xã Đ 10, huyện B , tỉnh Bình Phước.
2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
[1]. Về quan hệ hôn nhân: anh Hứa Văn T đồng ý thuận tình ly hôn với chị Ngọc Thị C.
[2].Về con chung, giao cháu Hứa Văn Duy, sinh ngày 18/8/2009, Hứa Ngọc Trúc Ly, sinh ngày 30/3/2004 cho anh Hứa Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn

chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng : Không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Án phí hôn nhân và Gia đình sơ thẩm chị Ngọc Thị C phải nộp số tiền án phí là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 016302 ngày 31/05/2021của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

4/ Quyết định có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh BP;*
- *VKSND huyện BĐ;*
- *CC THADS;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hs.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến

TÒA ÁN NHÂN DÂN *CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM*
HUYỆN BÙ ĐĂNG *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*

*****

Số: 11 /BBNA-TA. *Bù Đăng, ngày 17 tháng 03 năm 2010.*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Vào hồi 09 giờ ngày 17 tháng 03 năm 2010. Tại phòng nghị án – Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng. Với thàng phần Hội đồng xét xử gồm :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thuỳ Linh
Các hội thẩm nhân dân:
1. Oâng Nguyễn Đăng Bảy;
2. Oâng Võ Việt Dũng;
Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 88/ 2009/ TLST - HNGĐ ngày 02/ 10/ 2009, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/ 2010/ QĐXX – ST ngày 12 tháng 05 năm 2010 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Tâm; *Sinh năm: 1983*
Địa chỉ: Thôn 3, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Anh Đinh Quang Nghĩa; *Sinh năm: 1979*
Địa chỉ: Thôn 5, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng
Người đại diện theo pháp luật: Oâng Hà Quốc Luật.
Địa chỉ: Aáp 1, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự:
Hội đồng xét xử thấy tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận được các nội dung tranh chấp trong vụ án. Qua bàn bạc, thảo luận Hội đồng xét xử đi đến biểu quyết kết qủa cụ thể như sau :
- Căn cứ vào các Điều 210 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.
Công nhận Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
- Về quan hệ tình cảm: Anh Đinh Quang Nghĩa thuận tình ly hôn với chị Triệu Thị Tâm.

Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 02, đăng ký ngày 08/11/2002 không có giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định công nhận sự thoả thuận của anh chị có hiệu lực pháp luật. (Kết qủa biểu quyết 3/3)

- Về con chung: Chị Tâm và anh Nghĩa thống nhất: Giao cháu Đinh Thị Thanh Thuỷ, sinh ngày 17/11/2003, cho chị Tâm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nghĩa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/tháng từ ngày 01/01/2011 cho đến khi cháu Thủy thành niên. Anh Nghĩa có quyền đi lại, thăm nom, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con có quyền làm đơn thay đổi người nuôi con khi cần thiết. (Kết qủa biểu quyết 3/3)

- Về tài sản chung: anh Nghĩa và chị Tâm thống nhất những nội dung sau:

Anh Đinh Quang Nghĩa tạm quản lý diện tích đất 6.501,8m^2 có tứ cận: phía đông giáp đất chị Tâm, phía tây và phía nam giáp đất ông Điểu Hiên, phía bắc giáp đất ông Mẫn. Anh Nghĩa có quyền sở hữu, sử dụng 312 cây điều 05 năm tuổi trị giá 24.960.000đ và anh được nhận từ chị Tâm 1.500.000đ số tiền chênh lệch về tài sản.

Chị Triệu Thị Tâm tạm quản lý diện tích đất 6.497,4m^2 có tứ cận: phía đông giáp đất ông Bình, phía tây giáp đất ông Điểu Hiên, phía bắc giáp đất anh Nghĩa , phía nam giáp đất ông Điểu XLanh. Chị Tâm có quyền sở hữu, sử dụng 312 cây điều 05 năm tuổi trị giá 24.960.000đ, 01 căn nhà gỗ tạp, lợp tôn, nền lát gạch tàu với diện tích 35m2 trị giá 3.000.000đ (Trên phần đất mượn của bà Nhục) và chị Tâm có nghĩa vụ trả qua cho anh Nghĩa 1.500.000đ số tiền chênh lệch chia tài sản chung.

Chị Tâm và anh Nghĩa không được giao dịch các diện tích đất trên, dưới bất kỳ hình thức nào. Khi Nhà nước có quyết định thu hồi thì phải thực hiện theo quyết định. (Kết qủa biểu quyết 3/3)Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ qúa hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án. (Kết qủa biểu quyết 3/3)

- Về án phí : Chị Tâm nộp 200.000đ án phí HNGĐ – ST và 661.500đ án phí chia tài sản chung, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 200.000đ theo biên lai thu tiền số 012292 ngày 02/10/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng. Anh Nghĩa nộp 661.500đ án phí chia tài sản chung. (Kết qủa biểu quyết 3/3)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. (Kết qủa biểu quyết 3/3)

Biên bản kết thúc hồi 10 giờ cùng ngày, đã thông qua.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN *THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*